

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Tuyền	Chủ tịch
Ông Trần Trọng Phúc	Phó Chủ tịch
Ông Martyn Parker	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Công Tứ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Trần Vinh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Đào Nam Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thế Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thomas Kessler	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số: 311 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG


Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Phạm Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1130-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.597.277.241.631	3.130.799.731.004
I. Tiền và tương đương tiền	110		707.179.907.213	764.104.782.233
1. Tiền mặt tại quỹ	111		622.088.252	405.872.056
2. Tiền gửi ngân hàng	112		41.427.970.234	20.648.221.759
3. Các khoản tương đương tiền	114		665.129.848.727	743.050.688.418
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.318.258.164.011	1.328.330.408.465
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		94.641.246.935	54.641.246.935
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		1.233.635.895.027	1.283.829.621.081
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(10.018.977.951)	(10.140.459.551)
III. Các khoản phải thu	130		1.571.381.173.745	1.038.048.458.184
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.594.887.910.648	1.056.382.402.484
2. Thuế GTGT được khấu trừ	133		89.104.651	55.956.291
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(23.595.841.554)	(18.389.900.591)
IV. Hàng tồn kho	140		123.347.910	62.956.710
1. Nguyên liệu, vật liệu	142		123.347.910	62.956.710
V. Tài sản lưu động khác	150		334.648.752	253.125.412
1. Tạm ứng	151		334.648.752	253.125.412
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240)	200		867.926.653.453	918.253.752.926
I. Tài sản cố định	210		53.076.482.486	32.819.963.452
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	29.515.333.297	32.819.963.452
- Nguyên giá	212		58.370.879.800	61.153.198.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(28.855.546.503)	(28.333.235.154)
2. Tài sản cố định vô hình	217	9	23.561.149.189	-
- Nguyên giá	218		24.373.602.609	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(812.453.420)	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	10	801.181.231.801	851.075.203.889
1. Đầu tư vào công ty con	223		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		549.000.270.000	599.000.270.000
3. Góp vốn liên doanh	222		225.046.999.999	225.046.999.999
4. Đầu tư dài hạn khác	228		57.955.880.958	57.955.880.958
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229		(90.821.919.156)	(90.927.947.068)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.600.432.214	20.883.102.220
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		12.068.506.952	13.475.483.365
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	242	11	5.826.866.479	7.239.147.361
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	243		241.640.473	236.336.004
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		4.465.203.895.084	4.049.053.483.930

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320+330+340)	300		2.180.674.849.671	1.820.368.309.135
I. Nợ ngắn hạn	310		1.402.347.234.829	1.003.535.380.393
1. Phải trả cho người bán	313	12	1.358.257.656.181	869.134.283.758
2. Người mua trả tiền trước	314		875.819.297	659.532.743
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	13	22.233.206.106	12.181.549.947
4. Phải trả công nhân viên	316		12.207.757.583	12.403.904.167
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	14	1.779.382.609	102.675.064.813
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		6.993.413.053	6.481.044.965
II. Nợ dài hạn	320		966.561.890	945.344.014
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			966.561.890	945.344.014
III. Dự phòng nghiệp vụ	330	15	761.103.658.246	801.019.523.858
1. Dự phòng phí	331		263.737.379.587	284.757.322.454
2. Dự phòng bồi thường	333		371.621.167.296	399.713.561.043
3. Dự phòng dao động lớn	334		125.745.111.363	116.548.640.361
IV. Nợ khác	340		16.257.394.706	14.868.060.870
1. Chi phí phải trả (Dự phòng thuế nhà thầu phải trả)	341		12.615.830.204	12.615.830.204
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		3.641.564.502	2.252.230.666
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	16	2.284.529.045.413	2.228.685.174.795
I. Nguồn vốn, quỹ	410		2.284.529.045.413	2.228.685.174.795
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		1.008.276.580.000	1.008.276.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần			768.023.850.642	768.023.850.642
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		26.729.435.228	23.923.337.154
4. Quỹ dự phòng tài chính	415		133.647.176.137	119.616.685.767
5. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		66.823.588.070	59.808.342.885
6. Lợi nhuận chưa phân phối	418		281.028.415.336	249.036.378.347
<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ</i>			38.199.212.173	41.407.267.279
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		4.465.203.895.084	4.049.053.483.930

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013


MẪU SỐ B 01-DNBH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Đơn vị	30/6/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại	08			
Đô la Mỹ		USD	747.783,54	291.936,86
Đô la Úc		AUD	444,43	452,96
Yên Nhật		JPY	37.445,00	38.171,00
Đô la Singapore		SGD	1.873,73	1.884,77
Bảng Anh		GBP	2.498.516,17	2.201.692,32
Đồng tiền chung Châu Âu		EUR	901.683,75	4.877.597,09
2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	10	VND	36.450.679.951	35.115.915.182

Nguyễn Thành Công
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013


Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng


Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		767.071.322.774	806.842.626.162
2. Các khoản giảm trừ (03=04+06)	03		486.969.595.306	498.348.583.050
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	04		477.785.803.401	488.775.334.524
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	06		9.183.791.905	9.573.248.526
3. Tăng/(Giảm) dự phòng phí	08	15	22.906.493.589	(25.382.893.878)
4. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		95.851.917.663	81.190.714.983
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12)	10		15.885.874.590	26.749.348.225
<i>Thu nhận tái bảo hiểm</i>	11		3.486.431.543	8.468.233.433
<i>Thu nhượng tái bảo hiểm</i>	12		12.399.443.047	18.281.114.792
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=02-03+08+09+10)	14		414.746.013.310	391.051.212.442
7. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		458.933.183.492	454.988.185.433
8. Các khoản giảm trừ (17=18)	17		316.356.904.757	314.062.973.986
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		316.356.904.757	314.062.973.986
9. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21=16-17)	21		142.576.278.735	140.925.211.447
10. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường	23	15	(27.927.270.084)	22.714.600.165
11. Trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24	15	8.403.051.826	9.254.821.293
12. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25=34+39)	25		187.348.014.677	184.247.140.066
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34=35+38)	34		187.880.695.304	181.256.253.906
+ Chi hoa hồng	35		171.366.504.348	163.348.625.787
+ Chi khác	38		16.514.190.956	17.907.628.119
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhượng tái bảo hiểm	39		(532.680.627)	2.990.886.160
13. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=21-22+23+24+25)	41		310.400.075.154	357.141.772.971
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42=14-41)	42		104.345.938.156	33.909.439.471
15. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		34.158.007.025	26.556.154.645
16. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45=42-44)	45		70.187.931.131	7.353.284.826
17. Doanh thu hoạt động tài chính	46	17	128.868.122.061	151.718.600.926
18. Chi hoạt động tài chính	47		3.713.548.342	(353.463.552)
19. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		125.154.573.719	152.072.064.478
20. Thu nhập hoạt động khác	52		6.971.105.053	5.914.830.070
21. Chi phí hoạt động khác	53		2.354.884.906	2.161.404.039
22. Lợi nhuận hoạt động khác (54=52-53)	54		4.616.220.147	3.753.426.031
23. (Lỗ) thì điểm bảo hiểm nông nghiệp	54.1	18	(17.444.159.206)	-
24. Tổng lợi nhuận kế toán (55=45+51+54+54.1)	55		182.514.565.791	163.178.775.335
25. Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (56=56.1+56.2)	56		(13.654.699.568)	(17.691.175.471)
<i>Trong đó: + Lợi nhuận không chịu thuế</i>	56.1		(17.602.054.200)	(18.478.462.000)
+ Chi phí không được khấu trừ thuế	56.2		3.947.354.632	787.286.529
26. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (59=55-56)	59		168.859.866.223	145.487.599.864
27. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60		42.214.966.556	36.371.899.966
28. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.1		(5.304.469)	(13.578.936)
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61=59-60-60.1)	61		140.304.903.704	126.793.296.433



Nguyễn Thành Công
Người lập biểu

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Công Tú
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền từ thu phí và hoa hồng	01	157.222.051.943	147.089.634.794
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	93.614.895.133	23.262.681.142
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	4.900.176.557	3.120.666.870
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(122.664.013.869)	(41.940.482.689)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(65.131.156.230)	(80.332.195.156)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(6.909.918.747)	(3.176.467.236)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(20.264.787.207)	(15.371.417.721)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(36.998.717.090)	(37.665.222.688)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.621.057.423)	(6.206.949.292)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(609.177.179)	(659.082.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.538.295.888	(11.878.834.713)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	3.055.104.119.433	3.817.447.367.570
2. Tiền thu lãi đầu tư	22	62.420.409.793	136.161.767.699
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(2.990.435.217.206)	(4.278.104.211.928)
4. Tiền mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	25	(4.532.986.523)	(3.352.308.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	122.556.325.497	(327.847.385.375)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(181.072.839.920)	(50.703.456.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(181.072.839.920)	(50.703.456.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(56.978.218.535)	(390.429.676.588)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	764.104.782.233	1.461.418.167.254
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	53.343.515	(203.292.077)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	707.179.907.213	1.070.785.198.589

Nguyễn Thành Công
Người lập biểuLưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởngPhạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC3/KDBH ngày 11 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 89 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 90 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***4. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI BAN HÀNH CHƯA ÁP DỤNG****Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 232 quy định một số tài khoản nguyên tắc, phương pháp hạch toán, mẫu báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, sức khỏe, tái bảo hiểm và chi nhánh bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nhận ký quỹ, ký cược và dự phòng bồi thường.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ chín tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Do đặc thù của ngành kinh doanh tái bảo hiểm, công nợ thường được thanh toán theo kỳ là quý hoặc nửa năm nên Tổng Công ty đang áp dụng phương pháp tính dự phòng phải thu khó đòi có sự khác biệt với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” cụ thể như sau:

- Không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán dưới 9 tháng.
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 15 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 30%.
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 15 tháng đến dưới 27 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 50%.
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 27 tháng đến dưới 39 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 70%.
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 39 tháng trở lên, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 100%.

Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như đã nêu trên là phù hợp với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản cố định khác	4 - 5

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát, việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Các khoản góp vốn vào công ty con được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Khoản góp vốn liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn liên doanh được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Căn cứ theo các Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, theo đó “Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp đồng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Tổng Công ty áp dụng để phân loại phần chênh lệch còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa (14.640.221.973 VND) sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 5 năm kể từ năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của chúng.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi Tổng Công ty chấp nhận các bảng thanh toán với các nhà nhượng tái cho Tổng Công ty. Đối với nghiệp vụ nhượng tái, cơ sở ghi nhận là bảng thanh toán do Tổng Công ty lập lên để chuyển đi cho các nhà nhận tái của Tổng Công ty và đã được các nhà nhận tái xác nhận. Việc ghi nhận này là theo quy định về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu được ghi nhận khi có thông báo chia lãi của công ty nhận đầu tư.

Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi công trái, lãi trái phiếu ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận khi phát sinh.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương đóng bảo hiểm xã hội bình quân tháng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương đóng bảo hiểm xã hội bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

- Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong kỳ, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá hạch toán là 20.800 VND/Đô la Mỹ (USD) (năm 2012: 20.800 VND/USD). Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong kỳ ban đầu được quy đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán và sau đó được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong kỳ có gốc USD tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 21.130 VND/USD (các năm trước sử dụng tỉ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

- Đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong kỳ có gốc ngoại tệ các loại khác USD tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang USD theo tỷ giá hạch toán sau đó sẽ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 21.130 VND/USD (các năm trước sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố).
- Đối với số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả không liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong kỳ có gốc ngoại tệ, Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ

Ngày 19 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 5297/BTC-QLBH về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam kể từ năm 2012. Theo đó, việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty kỳ được thực hiện như sau:

Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí giữ lại và đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 50% phí giữ lại trong kỳ.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết, Tổng Công ty trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập bằng 5% phí bảo hiểm giữ lại của tất cả các nghiệp vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng nghiệp vụ (Tiếp theo)**

Dự phòng dao động lớn: Được trích hàng năm theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 3% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Ngày 28 tháng 9 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - “Hợp đồng bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên việc Tổng Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 năm (*)	1.233.635.895.027	1.283.829.621.081
Trái phiếu ngắn hạn (**)	79.642.914.384	39.642.914.384
Cổ phiếu (kinh doanh ngắn hạn)	14.998.332.551	14.998.332.551
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(10.018.977.951)	(10.140.459.551)
	1.318.258.164.011	1.328.330.408.465

(*) Thẻ hiện tiền gửi có thời hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước, với mức lãi suất từ 7% đến 12%/năm cho nội tệ và 0,25% đến 4,7%/năm cho ngoại tệ.

(**) Thẻ hiện trái phiếu doanh nghiệp có thời gian đáo hạn dưới 1 năm với mức lãi suất từ 9,2% đến 15%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	634.843.631.373	434.496.560.326
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	744.715.013.763	471.830.292.388
Dự thu lãi đầu tư, cho vay	119.531.434.883	63.670.453.958
Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	88.453.117.610	85.903.343.537
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	6.617.846.400	-
Các khoản phải thu khác	726.866.619	481.752.275
	1.594.887.910.648	1.056.382.402.484

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	49.226.058.930	3.977.377.071	7.685.405.353	264.357.252	61.153.198.606
Tăng trong kỳ	-	-	34.078.000	-	34.078.000
Phân loại sang công cụ dụng cụ	-	-	2.615.026.160	201.370.646	2.816.396.806
Tại ngày 30/6/2013	49.226.058.930	3.977.377.071	5.104.457.193	62.986.606	58.370.879.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	23.713.403.104	1.995.748.050	2.359.726.748	264.357.252	28.333.235.154
Tăng trong kỳ	1.012.293.944	210.097.750	625.113.662	-	1.847.505.356
Phân loại sang công cụ dụng cụ	-	-	1.123.823.361	201.370.646	1.325.194.007
Tại ngày 30/6/2013	24.725.697.048	2.205.845.800	1.861.017.049	62.986.606	28.855.546.503
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	24.500.361.882	1.771.531.271	3.243.440.144	-	29.515.333.297
Tại ngày 31/12/2012	25.512.655.826	1.981.629.021	5.325.678.605	-	32.819.963.452

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.287.319.201 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.106.169.462 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện nguyên giá tạm tăng và khấu hao từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 (ngày đưa vào sử dụng) đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của phần mềm tái bảo hiểm.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty con (a)</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
<i>Góp vốn liên doanh (b)</i>	225.046.999.999	225.046.999.999
<i>Đầu tư chứng khoán dài hạn</i>	549.000.270.000	599.000.270.000
Góp vốn cổ phần (c)	469.000.270.000	469.000.270.000
Trái phiếu (d)	80.000.000.000	130.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Sông Đà	50.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	50.000.000.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	57.955.880.958	57.955.880.958
Quỹ phúc lợi đem đi đầu tư	821.206.063	821.206.063
Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư VINARE (e)	7.134.674.895	7.134.674.895
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư qua Công ty Liên doanh	50.000.000.000	50.000.000.000
Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	-	-
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (f)</i>	(90.821.919.156)	(90.927.947.068)
	801.181.231.801	851.075.203.889

(a) Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư VINARE	Hà Nội, Việt Nam	63,9	60	Đầu tư bất động sản và xây dựng

(b) Góp vốn liên doanh

Tổng Công ty góp 50% vốn và được hưởng một phần lợi nhuận từ Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung Vina.

(c) Góp vốn cổ phần

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2013	31/12/2012
		VND	VND
Vốn góp cổ phần bao gồm:			
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	8,76%	59.289.270.000	59.289.270.000
Vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	7,06%	38.416.000.000	38.416.000.000
Vốn góp vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	6,00%	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	4,40%	17.600.000.000	17.600.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Bảo Tín	2,67%	8.000.000.000	8.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và	8,42%	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam	3,59%	2.695.000.000	2.695.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Hùng Vương	10,00%	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	5,41%	275.000.000.000	275.000.000.000
		469.000.270.000	469.000.270.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)****(c) Góp vốn cổ phần (Tiếp theo)**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư. Với những đơn vị chưa có báo cáo tài chính bán niên 2013 đã được soát xét hoặc chưa có báo cáo tài chính bán niên 2013, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính ở kỳ gần nhất và thu thập thêm các thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Với các thông tin có thể thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng, việc sử dụng các thông tin này để xác định dự phòng giảm giá các khoản đầu tư không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã nhận được thông báo chia lãi từ các đơn vị nhận đầu tư với số tiền như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	7.484.793.600	8.108.526.400
Lãi đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	3.911.846.400	4.127.760.000
Lãi đầu tư vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	750.000.000	720.000.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Toàn cầu	1.056.000.000	1.699.200.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	3.200.000.000	3.200.000.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Hùng Vương	900.000.000	-
Lãi đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	129.054.000	-
	17.431.694.000	17.855.486.400

Thông tin về cổ phiếu thường đã được nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của các công ty này như sau:

	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	10.000	353.056
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	10.000	2.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	10.000	381.024
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	10.000	11.806
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	10.000	45.750

(d) Trái phiếu

Thể hiện trái phiếu doanh nghiệp có thời gian đáo hạn từ trên 1 năm đến 10 năm với mức lãi suất từ 10,1% đến 13,38%/năm.

(e) Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư VINARE

Phân ánh khoản góp vốn hợp tác kinh doanh và phân chia sản phẩm với chủ đầu tư thực hiện dự án.

(f) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

Bao gồm 89.638.824.636 VND là dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư dài hạn vào Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong theo hướng dẫn trích lập dự phòng tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và trên cơ sở báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giá trị doanh nghiệp tăng thêm sau cổ phần hóa	4.392.066.590	5.856.088.788
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.434.799.889	1.383.058.573
	5.826.866.479	7.239.147.361

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	577.128.888.834	280.563.317.396
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	729.437.297.691	551.395.233.769
Phải trả do chưa có xác nhận thanh toán	36.530.614.406	19.190.004.569
Tạm thu thuế nhà thầu 2% phí tái bảo hiểm ra nước ngoài	10.057.752.630	10.666.822.553
Phải trả khác	5.103.102.620	7.318.905.471
	1.358.257.656.181	869.134.283.758

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	332.302.964	230.864.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.402.809.297	9.959.923.205
Thuế thu nhập cá nhân	498.093.845	1.990.762.676
	22.233.206.106	12.181.549.947

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cổ tức phải trả	-	100.864.338.000
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm phải nộp	1.779.382.609	1.810.726.813
	1.779.382.609	102.675.064.813

15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2012	Trích bổ sung trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng	30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
I. Hoạt động thông thường				
Dự phòng phí	280.596.232.141	-	22.906.493.589	257.689.738.552
Dự phòng bồi thường	381.420.468.403	-	27.927.270.084	353.493.198.319
Dự phòng dao động lớn	115.716.422.298	8.403.051.826	-	124.119.474.124
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp				
Dự phòng phí	4.161.090.313	1.886.550.722	-	6.047.641.035
Dự phòng bồi thường	18.293.092.640	-	165.123.663	18.127.968.977
Dự phòng dao động lớn	832.218.063	793.419.176	-	1.625.637.239
	801.019.523.858	11.083.021.724	50.998.887.336	761.103.658.246

Việc hoàn nhập dự phòng được thực hiện khi số phải trích trong kỳ nhỏ hơn số dư đã trích theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn	Thặng dư	Chênh lệch	Quỹ Đầu tư	Quỹ Dự phòng	Quỹ dự trữ	Lợi nhuận	Tổng cộng
	kinh doanh	vốn cổ phần	tỷ giá	phát triển	tài chính	bắt buộc	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	1.008.276.580.000	768.023.850.642	32.370.699.318	19.232.357.227	96.161.786.131	48.080.893.067	177.874.033.781	2.150.020.200.166
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	267.523.121.833	267.523.121.833
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	4.690.979.927	23.454.899.636	11.727.449.818	(45.119.290.267)	(5.245.960.886)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(151.241.487.000)	(151.241.487.000)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(32.370.699.318)	-	-	-	-	(32.370.699.318)
Tại ngày 01/01/2013	1.008.276.580.000	768.023.850.642	-	23.923.337.154	119.616.685.767	59.808.342.885	249.036.378.347	2.228.685.174.795
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	140.304.903.704	140.304.903.704
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (*)	-	-	-	2.806.098.074	14.030.490.370	7.015.245.185	(27.650.740.315)	(3.798.906.686)
Chia cổ tức cho cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	(80.662.126.400)	(80.662.126.400)
Tại ngày 30/6/2013	1.008.276.580.000	768.023.850.642	-	26.729.435.228	133.647.176.137	66.823.588.070	281.028.415.336	2.284.529.045.413

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam số 06/2013/NQ-DHDCD ngày 25 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức đợt II năm 2012 theo tỷ lệ 8% từ lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với tổng số tiền là 80.662.126.400 VND và tạm phân bổ lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2013 trích lập các quỹ với số tiền là 27.650.740.315 VND. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2013 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông sắp tới.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Nguồn vốn kinh doanh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số vốn thực góp của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần như sau:

	Vốn góp			
	30/6/2013	Tỷ lệ	31/12/2012	Tỷ lệ
	VND		VND	
Nguồn vốn kinh doanh	1.008.276.580.000	100%	1.008.276.580.000	100%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	406.969.500.000	40,36%	406.969.500.000	40,36%
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	252.069.150.000	25,00%	252.069.150.000	25,00%
Các cổ đông khác	349.237.930.000	34,64%	349.237.930.000	34,64%
Thặng dư vốn cổ phần	768.023.850.642		768.023.850.642	
	<u>1.776.300.430.642</u>		<u>1.776.300.430.642</u>	

Cổ phiếu

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.827.658	100.827.658
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.827.658	100.827.658
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.827.658</i>	<i>100.827.658</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.827.658	100.827.658
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.827.658</i>	<i>100.827.658</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	99.112.916.134	109.664.535.738
Cổ tức và lợi nhuận được chia	17.602.054.200	18.478.462.000
Lãi công trái, trái phiếu	8.073.641.216	14.813.302.740
Lãi từ ủy thác đầu tư	1.012.768.301	-
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	2.836.715.977	6.541.636.013
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	2.156.487.125
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	230.026.233	64.177.310
	<u>128.868.122.061</u>	<u>151.718.600.926</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***18. THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP**

Ngày 01 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp (nếu có) mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, căn cứ vào kết quả hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam bị lỗ với mức vượt quá 10% vốn chủ sở hữu từ hoạt động kinh doanh thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, Bộ Tài chính có cơ chế hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong năm tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty chỉ trình bày lỗ thuần của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với số tiền 17.444.159.206 VND. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 37.144.177.633 VND. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày như vậy là phù hợp với các quy định của các quyết định và thông tư nêu trên.

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	182.514.565.791	163.178.775.335
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(17.602.054.200)	(18.478.462.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.947.354.632	787.286.529
Thu nhập chịu thuế	168.859.866.223	145.487.599.864
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.214.966.556	36.371.899.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(5.304.469)	(13.578.936)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	707.179.907.213	764.104.782.233
Phải thu khách hàng	1.571.292.069.094	1.037.992.501.893
Đầu tư ngắn hạn	1.318.258.164.011	1.328.330.408.465
Đầu tư dài hạn	516.134.231.802	566.028.203.890
Tổng cộng	4.112.864.372.120	3.696.455.896.481
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.348.199.903.551	959.331.799.205
Dự phòng bồi thường	371.621.167.296	399.713.561.043
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.641.564.502	2.252.230.666
Tổng cộng	1.723.462.635.349	1.361.297.590.914

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	768.985.416.119	517.660.748.145	735.981.930.726	504.600.368.278
Euro (EUR)	24.697.388.418	133.504.709.950	-	-
Bảng Anh (GBP)	80.128.762.771	73.688.440.258	-	-
Đô la Singapore (SGD)	31.103.656	31.845.074	-	-
Đô la Úc (AUD)	8.633.444	9.747.600	-	-
Yên Nhật (JPY)	7.961.181	9.199.211	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Bảng Anh.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
	đến ngày 30/6/2013	đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.300.348.539	1.306.037.987
Euro (EUR)	2.469.738.842	13.350.470.995
Bảng Anh (GBP)	8.012.876.277	7.368.844.026

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong ngành bảo hiểm và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	707.179.907.213	-	-	707.179.907.213
Phải thu khách hàng	1.571.292.069.094	-	-	1.571.292.069.094
Đầu tư ngắn hạn	1.318.258.164.011	-	-	1.318.258.164.011
Đầu tư dài hạn	-	130.821.206.063	385.313.025.739	516.134.231.802
Tổng cộng	3.596.730.140.318	130.821.206.063	385.313.025.739	4.112.864.372.120
30/6/2013				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.348.199.903.551	-	-	1.348.199.903.551
Dự phòng bồi thường	371.621.167.296	-	-	371.621.167.296
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	3.641.564.502	-	3.641.564.502
Tổng cộng	1.719.821.070.847	3.641.564.502	-	1.723.462.635.349
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.876.909.069.471	127.179.641.561	385.313.025.739	2.389.401.736.771
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	764.104.782.233	-	-	764.104.782.233
Phải thu khách hàng	1.037.992.501.893	-	-	1.037.992.501.893
Đầu tư ngắn hạn	1.328.330.408.465	-	-	1.328.330.408.465
Đầu tư dài hạn	-	180.821.206.063	385.206.997.827	566.028.203.890
Tổng cộng	3.130.427.692.591	180.821.206.063	385.206.997.827	3.696.455.896.481
31/12/2012				
Phải trả người bán và phải trả khác	959.331.799.205	-	-	959.331.799.205
Dự phòng bồi thường	399.713.561.043	-	-	399.713.561.043
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	2.252.230.666	-	2.252.230.666
Tổng cộng	1.359.045.360.248	2.252.230.666	-	1.361.297.590.914
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.771.382.332.343	178.568.975.397	385.206.997.827	2.335.158.305.567

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

22. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài, nếu các công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2005.

Tuy nhiên, theo Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 06 tháng 7 năm 2010, đối với các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ năm 2005 đến năm 2008 và trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định.

Hiện tại, Tổng Công ty đã hoàn thiện bộ hồ sơ xin miễn thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại Công văn số 8667/BTC-TCT nói trên. Số thuế nhà thầu còn phải nộp cho giai đoạn 2005-2008 là 365.643.862 VND đã được hạch toán vào chi phí kinh doanh năm 2010. Việc xác định số thuế phải nộp từ năm 2008 trở về trước của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Ngày 20 tháng 9 năm 2012, Đoàn Thanh tra Bộ Tài chính đã thực hiện kiểm tra công tác kê khai, nộp thuế nhà thầu tại Tổng Công ty cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2011 và đã đưa ra biên bản kết luận số thuế nhà thầu phát sinh đối với nhà nhận tái bảo hiểm cư trú tại các nước hoặc các vùng lãnh thổ có ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam là 24.442.754.232 VND. Tuy nhiên do những vướng mắc trong việc kê khai, miễn thuế nhà thầu từ năm 2009 - 2011 nên Đoàn Thanh tra cũng chưa đưa ra hướng dẫn cụ thể đối với số thuế nhà thầu này.

Đối với thuế nhà thầu phát sinh trên chi phí nhượng tái ra nước ngoài của năm 2009 và 2010, Tổng Công ty mới tạm ghi nhận là một khoản dự phòng thuế phải trả với số tiền là 12.615.830.204 VND. Đối với thuế nhà thầu phát sinh trên chi phí nhượng tái ra nước ngoài của năm 2011, Tổng Công ty đã thực hiện giữ lại khi trả phí nhượng tái. Số thuế nhà thầu được giữ lại của năm 2011 hiện đang được trình bày ở khoản mục "Phải trả cho người bán" do trong số các nhà thầu nước ngoài, đại đa số đều có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại nước có ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Các nhà thầu này đang làm thủ tục để được miễn thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế".

Từ năm 2012 trở đi, thuế nhà thầu áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2012, theo đó tỷ lệ thuế nhà thầu là 0,1% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Đối với thuế nhà thầu từ năm 2012 đến nay, Tổng Công ty đã kê khai và nộp trong kỳ.

Việc xác định số thuế nhà thầu phải nộp (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	19,44	23,18
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,56	76,82
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	48,84	48,70
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	51,16	51,30
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,05	2,05
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,57	2,48
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,44	1,39
2.4. Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	33,15	29,74
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	25,48	23,11
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,09	3,78
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,14	2,94
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,14	5,73

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh tái bảo hiểm. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.

Nguyễn Thành Công
Người lập biểu

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Công Tử
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013